



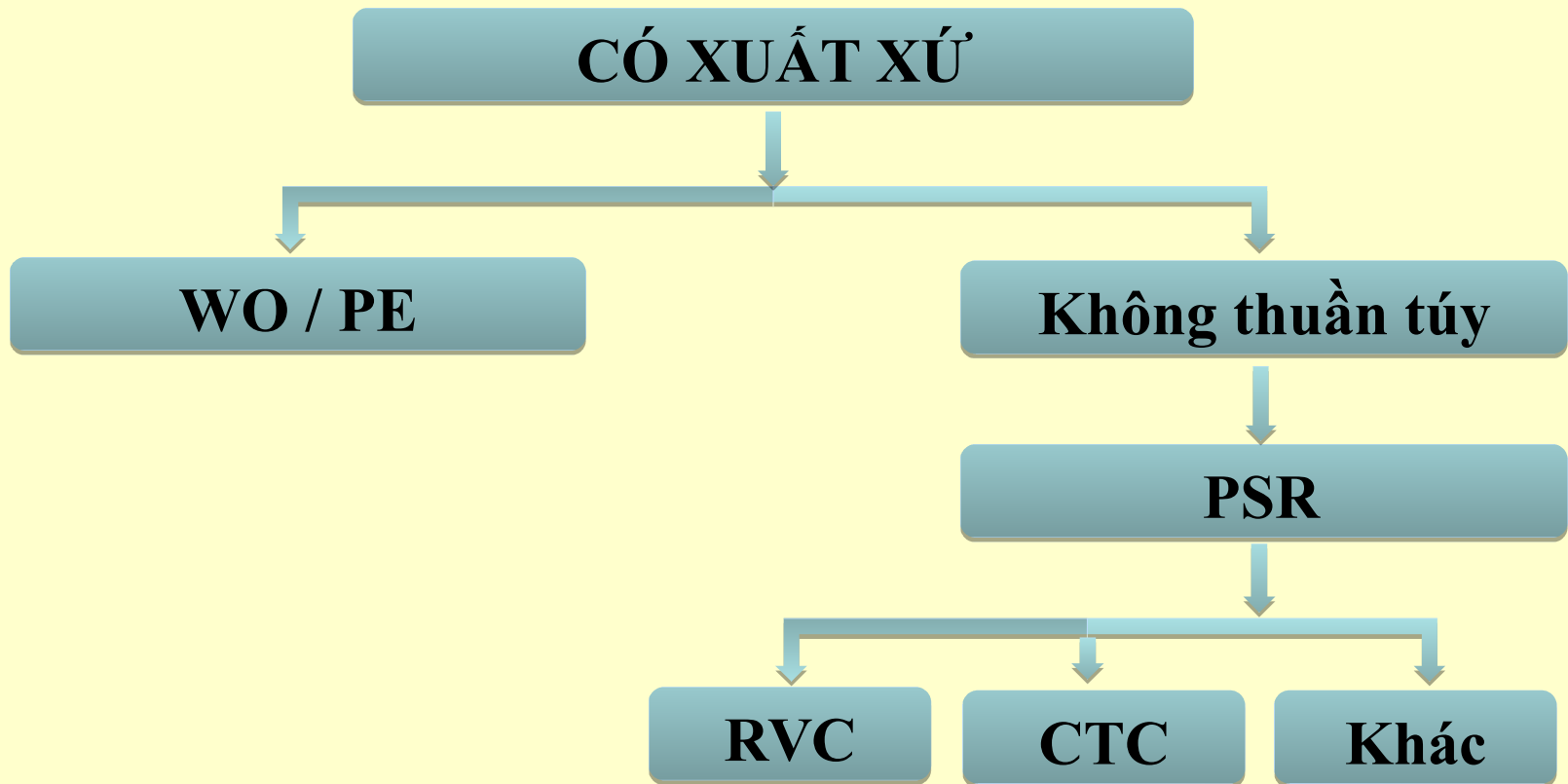
**BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU**

QUY TẮC XUẤT XỨ TRONG HIỆP ĐỊNH CPTPP

Hải Phòng - Tháng 5/2019



QUY TẮC XUẤT XỨ





MỘT SỐ KHÁI NIỆM MỚI

- ✚ **Trị giá giao dịch**
- ✚ **Trị giá của hàng hóa**
- ✚ **Thời gian chuyển đổi**
- ✚ **Chi phí nguyên liệu không có xuất xứ**
- ✚ **Công thức tính RVC trực tiếp**
- ✚ **Công thức tính giá trị tập trung**
- ✚ **Công thức tính chi phí tịnh**



MỘT SỐ KHÁI NIỆM MỚI

WO – Xuất xứ thuần túy

 Từ một hoặc nhiều Nước thành viên

Quy tắc phản ứng hóa học

Quy tắc chưng cất

 Chưng cất khí quyển

 Chưng cất chân không

Quy tắc pha trộn trực tiếp

Quy tắc pha loãng



MỘT SỐ KHÁI NIỆM MỚI

- ☼ Quy tắc tinh chế**
- ☼ Quy tắc phối trộn**
- ☼ Quy tắc thay đổi kích thước hạt**
- ☼ Quy tắc vật liệu chuẩn**
- ☼ Quy tắc tách đồng phân**



MỘT SỐ KHÁI NIỆM MỚI

Nguyên liệu đặc trưng

 Chủ yếu áp dụng cho ô tô và linh kiện

Chi phí tịnh áp dụng cho ô tô và linh kiện, không bao gồm chi phí:

 Khuyến mãi

 Marketing

 Dịch vụ sau bán hàng

 Bản quyền

 Vận chuyển, đóng gói

 Lợi tức



MỘT SỐ KHÁI NIỆM MỚI

- ✚ **Cộng gộp**
 - ☒ Cộng gộp công đoạn sản xuất
 - ☒ Cộng gộp toàn phần
- ✚ **Bộ hàng hóa**
- ✚ **Quy định riêng cho hàng dệt may**
- ✚ **Quy định riêng cho xe và linh kiện, bộ phận**



Điều 8. Hàm lượng giá trị khu vực

✚ Công thức tính gián tiếp

Trị giá hàng hóa	-	Trị giá nguyên liệu KHÔNG có XX	x	100%
Trị giá hàng hóa				

✚ Công thức tính trực tiếp

Trị giá nguyên liệu CÓ XX	x	100%
Trị giá hàng hóa		



CÔNG THỨC TÍNH RVC

✚ Công thức tính giá trị tập trung

Trị giá hàng hóa	-	Trị giá nguyên liệu KHÔNG có XX đặc trưng	x	100%
Trị giá hàng hóa				

✚ Công thức tính chi phí tịnh

Chi phí TỊNH	-	Trị giá nguyên liệu KHÔNG có XX	x	100%
Chi phí TỊNH				



Trị giá nguyên liệu

✿ Nhập khẩu

✦ Trị giá giao dịch + Chi phí vận tải, bảo hiểm

✿ Mua trong nước

✦ Giá thanh toán

✿ Tự sản xuất

✦ Chi phí sản xuất + Lợi nhuận tương đương



Điều chỉnh thêm trị giá nguyên liệu

✚ Chi phí được khấu trừ hoặc cộng thêm vào nguyên liệu

- ▣ Đóng gói, vận tải, bảo hiểm ... đến nhà máy
- ▣ Thuế, phí ...
- ▣ Chi phí xử lý phế thải

✚ Phải chứng minh khi điều chỉnh



Trị giá **EXW/FOB**?



Giá CMP



của nhà Sản xuất



của nhà Xuất khẩu

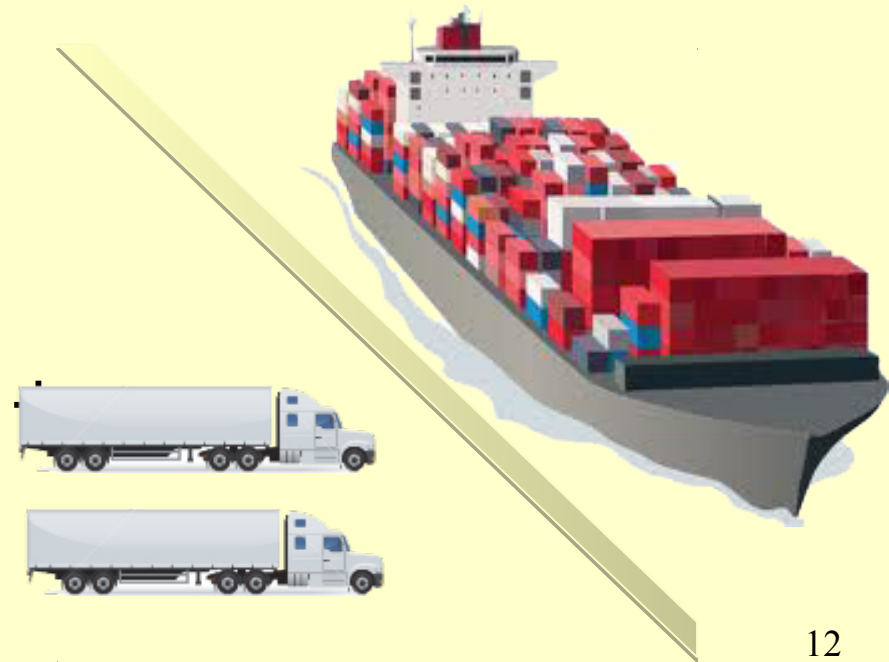


của bên Thứ ba

$$\text{EXW} = M + L + O + P$$

$$\text{FOB} = M + L + O + P$$

$$= \text{EXW} + \underbrace{}$$





Khác biệt kết quả tính RVC

✚ Kết quả tính RVC theo công thức

☒ **$BU = NC$**

☒ **$BU/NC \sim 10\%$ so với BD**

☒ **$BU/NC \sim 20\%$ so với FV**

8711.40 - 8711.90

CTH, ngoại trừ từ nhóm 87.14; hoặc RVC không thấp hơn:

a) 35% theo công thức tính trực tiếp; hoặc

b) 35% theo công thức tính chi phí tịnh; hoặc

c) 45% theo công thức tính gián tiếp; hoặc

d) 55% theo công thức tính giá trị tập trung đối với
nguyên liệu không có xuất xứ thuộc nhóm 87.11 và 87.14.



Cộng gộp toàn phần

Khoản 2 Điều 9

-  Áp dụng với RVC
-  Trị giá gia tăng trong quá trình sản xuất
-  Trị giá của nguyên liệu có xuất xứ
-  Được cộng gộp, dù là tỷ lệ nhỏ nhất



Thông tư 03/2019/TT-BCT

❖ 5 Chương, 33 Điều và 9 Phụ lục

- ❑ Phụ lục I: PSR
- ❑ Phụ lục II: Điều khoản liên quan đến PSR cho xe và các bộ phận, phụ kiện
- ❑ Phụ lục III: *De minimis*
- ❑ Phụ lục IV, V, VI: Mẫu C/O CPTPP, TK bổ sung, hướng dẫn kê khai
- ❑ Phụ lục VII: PSR đối với hàng dệt may
- ❑ Phụ lục VIII: Danh mục nguồn cung thiếu hụt
- ❑ Phụ lục IX: Danh sách tổ chức cấp C/O



Phụ lục I - PSR

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
PHẦN I ĐỘNG VẬT SỐNG; CÁC SẢN PHẨM TỪ ĐỘNG VẬT	
Chương 1. Động vật sống	
01.01 - 01.06	CC
Chương 2. Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	
02.01 - 02.10	CC
Chương 3. Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	
<u>Chú giải Chương:</u> Cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác thu được tại lãnh thổ của một Nước thành viên có xuất xứ ngay cả khi thu được từ trứng, ấu trùng, cá bột, cá giống, cá hồi con, hoặc cá chưa trưởng thành khác ở giai đoạn hậu ấu trùng được nhập khẩu từ một Nước không phải thành viên.	
03.01 - 03.03	CC
0304.31 - 0304.39	CTH
0304.41	CC
0304.42 - 0304.43	CTH



Phụ lục II – Quy định riêng cho ô tô

Bảng A - Linh kiện được coi là có xuất xứ

 Khi được sản xuất theo công đoạn ở Bảng B

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Mô tả hàng hóa
7007.11	Kính an toàn cứng (đã tôi)
7007.21	Kính an toàn nhiều lớp
8707.10	Thân xe (kể cả ca-bin), dùng cho xe có động cơ thuộc nhóm 87.03
8707.90	Thân xe (kể cả ca-bin), dùng cho xe có động cơ thuộc nhóm 87.01, 87.02, 87.04 và 87.05
ex 8708.10	Thanh chắn chống va đập (ba đờ xóc) (không bao gồm các phụ tùng của chúng)

 Lắp cho máy kéo, xe đầu kéo, xe chở hàng, chở người...



Phụ lục II – Quy định riêng cho ô tô

Bảng B – Các công đoạn sản xuất

 Để linh kiện ở Bảng A và Bảng C được coi là có xuất xứ

Lắp ráp phức tạp	Hàn ghép phức tạp	Đột dập hoặc đúc khác
Ép đùn	Rèn	Xử lý bằng nhiệt, bao gồm tôi cứng kính hoặc kim loại
Ép (nhựa, kính)	Gia công cắt gọt	
Đúc	Dập, bao gồm ép dập	Gia công kim loại bằng áp lực



Phụ lục II – Quy định riêng cho ô tô

✿ Bảng C – Giới hạn trị giá linh kiện có xuất xứ

✿ Khi được sản xuất theo công đoạn ở Bảng B		
Mã số hàng hóa (HS 2012)	Mô tả hàng hóa	Ngưỡng giới hạn
8706.00	Khung gầm đã lắp động cơ, dùng cho xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05	10%
8708.10	Thanh chắn chống va đập (ba đòn xóc) và phụ tùng của chúng	10%
8708.21	Dây đai an toàn	10%
8708.29	Bộ phận và phụ kiện khác của thân xe (kể cả cabin)	5%



Phụ lục III – Ngoại lệ áp dụng *De Minimis*

✿ Điều 14. *De Minimis*

- ▣ 10% trị giá

✿ Điều 29. *De Minimis* hàng dệt may

- ▣ Sợi, vải (Chương 50 – 60): xơ, sợi không có xuất xứ < 10% trọng lượng sợi, vải
- ▣ Quần áo may sẵn (Chương 61 – 63): xơ, sợi không có xuất xứ < 10% trọng lượng sợi, vải quyết định HS của quần áo

✿ Ngoại lệ áp dụng cho:

- ▣ Sản phẩm sữa thuộc nhóm 0401 – 0406
- ▣ Nước ép hoa quả



CƠ CHẾ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

✚ Cấp C/O

- ☒ Việt Nam áp dụng khi có Hiệp định hiệu lực
- ☒ Mẫu C/O CPTPP (*tham khảo eCoSys*)

✚ Nhà XK tự chứng nhận

- ☒ Trong vòng 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực

✚ Nhà NK tự chứng nhận

- ☒ Xem xét sau 10 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực



CƠ CHẾ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

Thông tin tối thiểu

-  Người/Tổ chức chứng nhận xuất xứ
-  Người XK, Nhà SX, Người NK
-  Địa chỉ đầy đủ
-  E-mail, số điện thoại
-  Mô tả hàng hóa kèm mã HS (ở cấp 6 số)
-  Tiêu chí xuất xứ



Phụ lục IV/V – Mẫu C/O và TK bổ sung

1. Goods consigned from (Exporter's name, address, country)		Reference No.			
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)		THE COMPREHENSIVE AND PROGRESSIVE AGREEMENT FOR TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined declaration and certificate) FORM CPTPP Issued in Viet Nam			
3. Means of transport and route (as far as known)					
4. For official use ☐ Non-Party Invoicing ☐ Certified True Copy		5. Producer (name, address, country)			
6. Item No.	7. Marks, numbers and kind of packages; description of goods (including HS number of Importing Country)	8. Origin criterion	9. Quantity of goods	10. Number and date of invoices	
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in (Country of Origin) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership for the goods exported to (Importing Country) (Place and date, signature of authorized signatory)		12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. (Place and date, signature and stamp of certifying authority)			

ADDITIONAL PAGE(S) OF CERTIFICATE OF ORIGIN FORM CPTPP

Reference No. Page /

6. Item No.	7. Marks, numbers and kind of packages; description of goods (including HS number of Importing Country)	8. Origin criterion	9. Quantity of goods	10. Number and date of invoices
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in (Country of Origin) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership for the goods exported to (Importing Country) (Place and date, signature of authorized signatory)				
12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. (Place and date, signature and stamp of certifying authority)				



Phụ lục VI – Hướng dẫn kê khai C/O

1. Goods consigned from (Exporter's name, address, country)		Reference No.			
		THE COMPREHENSIVE AND PROGRESSIVE AGREEMENT FOR TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP			
		CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined declaration and certificate)			
		FORM CPTPP Issued in Viet Nam			
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)		4. For official use ☐ Non-Party Invoicing ☐ Certified True Copy			
3. Means of transport and route (as far as known)		5. Producer (name, address, country)			
6. Item No.	7. Marks, numbers and kind of packaging; description of goods (including HS number of Importing Country)	8. Origin criterion	9. Quantity of goods	10. Number and date of invoices	
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in (Country of Origin) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership for the goods exported to (Importing Country) (Place and date, signature of authorized signatory)		12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. (Place and date, signature and stamp of certifying authority)			

1. Goods consigned from (Exporter's name, address, country)

ABC TRADING CO., LTD.
10 Nguyen Hue Str., HCMC,
Vietnam

2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)

JOE'S TRADER JSC
163 Duke Street, Halifax NS B3J
3J6
Canada

3. Means of transport and route (as far as known)

By sea from port of HCMC
To Halifax
Date of Shipment: ##/##/2019
Vessel Name: Wanhai v123



Phụ lục VI – Hướng dẫn kê khai C/O

1. Goods consigned from (Exporter's name, address, country)		Reference No.			
2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)		THE COMPREHENSIVE AND PROGRESSIVE AGREEMENT FOR TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined declaration and certificate) FORM CPTPP Issued in Viet Nam			
3. Means of transport and route (as far as known)		4. For official use ☐ Non-Party Invoicing ☐ Certified True Copy			
		5. Producer (name, address, country)			
6. Item No.	7. Marks, numbers and kind of packages; description of goods (including HS number of Importing Country)	8. Origin criterion	9. Quantity of goods	10. Number and date of invoices	
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in (Country of Origin) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership for the goods exported to (Importing Country) (Place and date, signature of authorized signatory)		12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. (Place and date, signature and stamp of certifying authority)			

4. For official use

- ☐ Non-Party Invoicing
☐ Certified True Copy

5. Producer (name, address, country)

NHABE GARMENT CORPORATION
4 Ben Nghe Str, District 7, HCMC,
Vietnam

5. Producer (name, address, country)

“Various” hoặc “Attached List”
hoặc
“Available upon request by the
importing authorities”



Phụ lục VI – Hướng dẫn kê khai C/O

7. Marks, numbers and kind of packages; description of goods (including HS number of Importing Country)	8. Origin criterion
MEN JACKET (HS 6201.12) #PO No. 1234 Q'TY: 567 CTNS	CC CTH CTSH RVC 35% BU RVC 35% NC
FABRIC OF HS 5209.43 ORIGINATING FROM JAPAN	RVC 45% BD RVC 55% FV OTHER
<i>Hoặc</i> FABRIC FROM NO. 18 of SSL	



Phụ lục VII – PSR hàng dệt may

Mã số hàng hóa (HS 2012)	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Chương 52. Bông	
52.09	CTH, ngoại trừ từ nhóm 51.06 đến 51.13, 52.05 đến 52.08, 52.10 đến 52.12 hoặc 54.01 đến 54.02, phân nhóm 5403.33 đến 5403.39 hoặc 5403.42 đến 5403.49, hoặc nhóm 54.04 đến 54.08 hoặc 55.09 đến 55.16.
Chương 62. Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc	
62.01 - 62.08	CC, ngoại trừ từ nhóm 51.06 đến 51.13, 52.04 đến 52.12 hoặc 54.01 đến 54.02, phân nhóm 5403.33 đến 5403.39 hoặc 5403.42 đến 5403.49, hoặc nhóm 54.04 đến 54.08, 55.08 đến 55.16, 58.01 đến 58.02 hoặc 60.01 đến 60.06, với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc dệt thành hình, hoặc cả hai, và được may hoặc ghép bằng cách khác tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên.



Phụ lục VIII – SSL

1. Danh mục tạm thời:

TT	Mô tả nguồn cung thiếu hụt	Yêu cầu sản phẩm đầu ra
3	Vải dệt thoi chéo 100% ni lông thuộc nhóm 54.07, chỉ số sợi 70 x 160 denier, 155 x 90 sợi/inch vuông, trọng lượng 115 g/m ²	Quần dài nam, trừ loại chống thấm nước, thuộc phân nhóm 6203.43

2. Danh mục cố định:

TT	Mô tả nguồn cung thiếu hụt	Yêu cầu sản phẩm đầu ra
16	Vải thuộc Chương 55, trọng lượng không quá 340 g/m ² , chứa không quá 15% len lông cừu, len angora (mohair), Kashmir hoặc lông lạc đà và không dưới 15% xơ sợi staple nhân tạo	Quần áo thuộc Chương 62



CPTPP – Thỏa thuận với Mexico

☀ TPL một số mặt hàng dệt may bằng sợi tổng hợp

- ☐ Áp dụng khi sử dụng nguyên liệu SSL
- ☐ Tăng dần theo từng năm (điều kiện: đạt $\geq 80\%$)
- ☐ Trong TPL: miễn thuế
- ☐ Ngoài TPL: Thuế CPTPP

☀ Quần áo và tơ trẻ em bằng xơ, sợi tổng hợp

Thuế CPTPP nếu:

- ☐ Trong hạn ngạch 50.000 đơn vị SP/năm: Đáp ứng PSR
- ☐ Ngoài hạn ngạch: Đáp ứng quy định của Mexico



CPTPP – Thỏa thuận với Mexico

-  **Việt Nam tự phân bổ hạn ngạch**
-  **Chứng thư xuất khẩu** (Certificate of Eligibility)
 -  Cấp cho hàng hóa trong hạn ngạch
 -  Nộp kèm C/O CPTPP của Việt Nam để hưởng ưu đãi
 -  Tra cứu được thông tin trên trang điện tử bảo mật



MỘT SÔ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Hiệu lực

-  Hiệu lực của Hiệp định: có thể khác nhau
(Việt Nam: 14/01/2019)
-  Hiệu lực của Thông tư 03/2019/TT-BCT: 08/03/2019

C/O CPTPP

-  Cấp từ 08/03/2019
-  Cấp cho các lô hàng giao trước ngày hiệu lực
-  Cấp cho nhiều lô hàng giống hệt nhau



MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý

Nhập khẩu

-  Hướng dẫn của Bộ Tài chính và TCHQ
-  Chứng từ để cộng gộp: Người XK tự chứng nhận

Tận dụng các quy định về điều chỉnh chi phí

-  Chi phí xử lý phế thải



Hỏi vs Đáp

Phòng Xuất xứ hàng hóa
CỤC XUẤT NHẬP KHẨU – BỘ CÔNG THƯƠNG

54 Hai Bà Trưng, Hà Nội / Tel.: 024.2220 2468 hoặc 2220
5444

E-mail: co@moit.gov.vn